



wú hài

无害

adjective · harmless

Example Sentences

Zhè zhǒng chóng zǐ duì rén wú hài
这 种 虫 子 对 人 无 害。

This kind of insect is harmless to people.

Tā de wán xiào suī rán wú liáo dàn wán quán wú hài
他 的 玩 笑 虽 然 无 聊 ， 但 完 全 无 害。

His joke is boring but completely harmless.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无													
害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害								
害	害																		